

Số: 17 /GPMT-UBND

Quận 7, ngày 18 tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc sửa đổi, bổ sung phân công công tác Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7;

Theo ý kiến của Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Co.opmart Huỳnh Tấn Phát" tại số 1362 đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Mỹ, Quận 7 do Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn làm chủ đầu tư, hợp ngày 05 tháng 6 năm 2024 và ngày 16 tháng 7 năm 2024;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 02/CV-HTP ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Co.opmart Huỳnh Tấn Phát" tại số 1362 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 323/TTr-TNMT-MT ngày 16 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn, địa chỉ tại số 1362 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Co.opmart Huỳnh Tấn Phát" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 1362, đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0305770035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu 05 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

1.4. Mã số thuế: 0305770035

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh dịch vụ, siêu thị Co.opmart.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở thuộc danh mục đầu tư nhóm III theo quy định tại Phụ lục V (số thứ 2, mục II) ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Diện tích khu đất: 7.696,8 m².

- Diện tích xây dựng: 3.234,4 m².

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 9.403,9 m² gồm Siêu thị (03 tầng + sân kỹ thuật cinema), Nhà xe có mái che (03 tầng) và Mái đón công trình siêu thị.

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2 Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn có trách

nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 7 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn;
- Phòng TN và MT Quận 7
- UBND phường Phú Mỹ;
- Cổng thông tin điện tử của UBND Quận 7;
- Lưu: VT.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thành



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 17 /GPMT-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn 1: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh tầng 1.
- Nguồn 2: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh tầng 2.
- Nguồn 3: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh tầng 3.
- Nguồn 4: Nước thải xám phát sinh từ các bồn rửa tay.
- Nguồn 5: Nước thải xám phát sinh từ khu ăn uống, nhà bếp, sơ chế thực phẩm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước thành phố trên đường Huỳnh Tấn Phát.

2.2 Vị trí xả nước thải:

- Số 1362 Đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 1, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1.184.823$; $Y = 607.762$; theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3° .

2.3 Lưu lượng xả thải lớn nhất: $120 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1 Phương thức xả thải:

Tự chảy, xả ngầm theo cống ra nguồn tiếp nhận.

2.3.2 Chế độ xả nước thải vào nguồn nước: liên tục (24 giờ/ngày.đêm)

2.3.3 Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, $K=1,0$ cụ thể như sau:



TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5-9	06 tháng/lần (theo đề xuất của cơ sở tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	TSS	mg/l	100		
3	BOD ₅	mg/l	50		
4	TDS	mg/l	1000		
5	Sunfua	mg/l	4		
6	Amoni	mg/l	10		
7	Nitrat	mg/l	50		
8	Phosphat	mg/l	10		
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	20		
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Coliform	mg/l	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, cùng với nước thải Lavabo, ... được thu gom theo đường ống PVC $\Phi = 114\text{mm}$ chảy ra hố gom. Sau đó, theo đường ống PVC $\Phi 114\text{mm}$ dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở để xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K = 1,0 trước khi xả thải.

- Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải:

Nước thải sinh hoạt $\longrightarrow$ Bể tự hoại $\longrightarrow$ Hệ thống xử lý nước thải

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ Bể thu gom $\rightarrow$ Bể tách dầu mỡ $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể sinh học thiếu khí $\rightarrow$ Bể sinh học MBBR $\rightarrow$ Bể sinh học hiếu khí $\rightarrow$ Bể lắng $\rightarrow$ Ngăn thu bùn $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Hệ thống thoát nước Thành

phổ. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K= 1,0.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Javen: 210 kg/tháng.

+ NaOH: 60 kg/tháng.

+ Mật ri đường: 06 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt không phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



**PHỤ LỤC 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **17** /GPMT-UBND ngày **18** tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ máy phát điện công suất 1.000 KVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải của cơ sở tại số 1362 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tọa độ vị trí xả thải tại ống khói máy phát điện số 01: X = 1.184.801; Y = 607.659.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng khí thải lớn nhất 125m³/giờ, tương đương 0,035 m³/s.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng và vận hành máy phát điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ cột B, Kp = 1, Kv = 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tuần suất quan trắc định kỳ	Tuần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	120	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	600		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510		
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	300		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải: Khí thải sau hệ thống xả khí của máy phát điện được thoát lên tầng 02 của cơ sở bằng 01 ống thoát khí thải bằng thép đen (dày 3mm, được quét lớp sơn chịu nhiệt, chống gỉ) đường kính D300mm, cao 12m (tính từ mặt đất). Đầu ra ống thoát khí thải máy phát điện có lắp lưới chắn côn trùng để giảm thiểu tình trạng côn trùng bay vào ống khói làm tắt nghẽn và hư hỏng máy phát điện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống thu gom, xả khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Kiểm định, hiệu chuẩn thường xuyên máy móc thiết bị sản xuất, đảm bảo hoạt động đúng công suất đã đăng ký.

- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời như đường ống, van;...

- Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh 0,05% trọng lượng để nồng độ SO₂ thoát ra ở ống khói đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1 Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2 Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 17 /GPMT-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng công suất 1.000 KVA;

- Nguồn số 02: Tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.184.801; Y = 607.670.

- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.184.834; Y = 607.661.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; Máy móc, thiết bị đã được lắp đặt đúng quy cách;
- Không để máy hoạt động quá tải;
- Bảo dưỡng máy theo định kỳ;
- Trong suốt quá trình hoạt động, tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu nêu trên và thường xuyên có kế hoạch giám sát định kì để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm do tiếng ồn gây ra;
- Lắp đặt đệm chống rung bằng đệm cao su cho máy thổi khí trong hệ thống xử lý nước thải đảm bảo độ cân bằng của máy móc khi hoạt động;
- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

PHỤ LỤC 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **17** /GPMT-UBND ngày **18** tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Quận 7)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng xin cấp phép (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	10
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	100
3	Pin,Ắc quy thải	Rắn	16 01 12	10
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	15
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	10
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	10
7	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	10
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	15
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	10
10	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composite)	Rắn	18 01 04	10
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm	Rắn	18 02 01	10



	các thành phần nguy hại.			
12	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 05 02	10
	Tổng khối lượng			220

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Nhóm CTRSH	Mã chất thải thông thường	Khối lượng đề xuất cấp phép
1	Phế liệu (thùng carton)	-	123.230 kg/năm
2	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	2,5m ³ /tháng
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	1,5 m ³ /tháng
4	Dầu mỡ thải	16 01 08	200 lít/năm
5	Dầu ăn thải	12 06 11	1,0 m ³ /tháng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 109.500 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn nguy hại được chứa trong thùng nhựa HDPE có nắp đậy thể tích 60 lít; có dán mã số phân loại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích 04 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có kết cấu tường bao, mái lợp tôn, nền bê tông để chống thấm; xung quanh kho chứa CTNH có gờ chống tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thùng phuy chứa cát khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào các thùng nhựa PP, can nhựa, bể bê tông.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Thùng carton phát sinh từ hoạt động của cơ sở được lưu chứa trong 02 thùng rác dung tích 240 lít/thùng có nắp đậy và khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 02 m².

- Bùn thải từ bể tự hoại sẽ được lưu chứa trong bể tự hoại có tổng thể tích 24,21m³;

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải được lưu chứa trong Bể chứa bùn với thể tích 27,4 m³.

- Dầu ăn thải từ hoạt động của cơ sở sẽ chứa trong can đựng dầu và hộp đồng với đơn vị thu gom.

- Dầu mỡ thải từ hoạt động của cơ sở sẽ lưu chứa trong Bể tách mỡ với thể tích 15,4 m³.

2.3 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa HDPE với các dung tích 660 lít có nắp đậy.

2.3.2 Khu vực lưu chứa: Kho chứa có diện tích 08m², được bao quanh bằng tôn, mái tôn, nền gạch chống thấm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động cơ sở bao gồm phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, phòng ngừa sự cố rò rỉ nhiên liệu, phòng ngừa, ứng phó các sự cố chất thải nguy hại, phòng ngừa sự cố của hệ thống xử lý nước thải, biện pháp an toàn hóa chất, phòng ngừa sự cố sụt lún.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.







PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 17 /GPMT-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Cơ sở đã hoàn thành công trình.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định. Sử dụng các bao bì thân thiện môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy trong việc đóng gói, đựng sản phẩm cho khách hàng.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

- Báo cáo công tác môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.



1980

1980